

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 39/2014/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 08 tháng 12 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế Thi đua, khen thưởng tỉnh Cao Bằng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003, Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2005 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Thi đua, Khen thưởng; Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ; Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29 tháng 8 năm 2014 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành một số Điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Thi đua, Khen thưởng, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013,

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Thi đua, khen thưởng tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1579/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Quy chế Thi đua, Khen thưởng tỉnh Cao Bằng và Quyết định số 1420/2012/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quyết định số 1579/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, doanh nghiệp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đàm Văn Eng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Thi đua, khen thưởng tỉnh Cao Bằng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định chi tiết một số Điều của pháp luật về thi đua khen thưởng, bao gồm: Nội dung thi đua, tổ chức các phong trào thi đua; danh hiệu thi đua; hình thức, đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng; thẩm quyền khen thưởng, trình tự, thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng; quỹ thi đua, khen thưởng; quyền, nghĩa vụ của cá nhân, tập thể; hành vi vi phạm, xử lý hành vi vi phạm; khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Công dân nước Việt Nam; các cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức nghề nghiệp, tổ chức kinh tế thuộc các thành phần kinh tế, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân; người nước ngoài, cơ quan, tổ chức nước ngoài và các tổ chức quốc tế hoạt động trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 3. Nguyên tắc, mục tiêu thi đua và căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua

1. Nguyên tắc: Tự nguyện, tự giác, công khai, đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển.

2. Mục tiêu thi đua: Nhằm tạo động lực động viên, lôi cuốn, khuyến khích mọi cá nhân, tập thể phát huy truyền thống yêu nước, năng động, sáng tạo vươn lên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

3. Căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua: Việc xét tặng các danh hiệu thi đua phải căn cứ vào phong trào thi đua; mọi cá nhân, tập thể tham gia phong trào thi đua đều phải có đăng ký thi đua, xác định mục tiêu, chỉ tiêu thi đua; không đăng ký thi đua sẽ không được xem xét, công nhận các danh hiệu thi đua.

Điều 4. Nguyên tắc khen thưởng và căn cứ khen thưởng

1. Nguyên tắc khen thưởng:

a) Chính xác, công khai, công bằng, kịp thời;

b) Một hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một đối tượng; không tặng thưởng nhiều hình thức cho một thành tích đạt được;

c) Bảo đảm thống nhất giữa tính chất, hình thức và đối tượng khen thưởng;

d) Kết hợp chặt chẽ động viên tinh thần với khuyến khích bằng lợi ích vật chất.

2. Căn cứ khen thưởng:

a) Thành tích đạt được trong điều kiện khó khăn và có phạm vi ảnh hưởng lớn được khen thưởng mức cao hơn. Chú trọng khen thưởng cá nhân là người trực tiếp lao động, công tác, chiến đấu (công nhân, nông dân, chiến sĩ) và cá nhân có nhiều sáng tạo trong lao động, công tác.

b) Khi xét khen thưởng người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải căn cứ vào thành tích của tập thể do cá nhân đó lãnh đạo.

c) Đối với nữ là cán bộ lãnh đạo, quản lý, thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng có quá trình cống hiến được giảm 03 năm so với quy định chung.

Đối với khen thưởng thành tích thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, khi có nhiều cá nhân, tập thể cùng đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì lựa chọn cá nhân nữ và tập thể có tỷ lệ nữ từ 70% trở lên để xét khen thưởng.

d) Thời gian để đề nghị khen thưởng cho lần tiếp theo được tính từ khi có quyết định khen thưởng lần trước.

e) Đối với cá nhân trong một năm chỉ đề nghị một hình thức khen thưởng cấp Nhà nước hoặc danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc".

3. Bảo đảm nguyên tắc bình đẳng giới trong thi đua, khen thưởng.

Điều 5. Hình thức tổ chức phong trào thi đua

1. Thi đua thường xuyên là hình thức thi đua căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cá nhân, tập thể để tổ chức phát động, nhằm thực hiện tốt công việc hàng ngày, hàng tháng, hàng quý, hàng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Đối tượng thi đua thường xuyên là các cá nhân trong một tập thể, các tập thể trong cùng một cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc giữa các đơn vị có chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc tương đồng nhau.

Việc tổ chức phong trào thi đua thường xuyên phải xác định rõ mục đích, yêu cầu, mục tiêu, các chỉ tiêu cụ thể và được triển khai thực hiện tại cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc theo khối thi đua để phát động phong trào thi đua, ký kết giao ước thi đua. Kết thúc năm công tác, thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, trưởng các khối thi đua tiến hành tổng kết và bình xét các danh hiệu thi đua.

2. Thi đua theo chuyên đề (hoặc theo đợt) là hình thức thi đua nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm được xác định trong khoảng thời gian nhất định

hoặc tổ chức thi đua để phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ đột xuất, cấp bách của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Cơ quan, tổ chức, đơn vị chỉ phát động thi đua theo chuyên đề (hoặc theo đợt) khi đã xác định rõ mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu, nội dung, giải pháp và thời gian.

a) Thi đua theo chuyên đề tổ chức trong phạm vi tỉnh, khi tiến hành sơ kết, tổng kết, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện việc khen thưởng theo thẩm quyền. Trường hợp tổ chức trong phạm vi cả nước, khi sơ kết, tổng kết phong trào thi đua từ 03 năm trở lên, lựa chọn tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc đề nghị Thủ tướng Chính phủ xét tặng Bằng khen; từ 05 năm trở lên lựa chọn tập thể, cá nhân có thành tích đặc biệt xuất sắc đề nghị Chủ tịch nước xét tặng "Huân chương Lao động" hạng ba.

b) Khi tổ chức phong trào thi đua theo chuyên đề có phạm vi trong tỉnh có thời gian từ 03 năm trở lên Ủy ban nhân dân tỉnh gửi kế hoạch tổ chức phát động phong trào thi đua về Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương để tổng hợp và hướng dẫn xét khen thưởng.

3. Không khen thưởng cấp Nhà nước (Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Huân chương) cho các tập thể hoặc cá nhân khi Ủy ban nhân dân tỉnh tiến hành sơ kết, tổng kết việc thực hiện luật, pháp lệnh, nghị định hoặc phục vụ hội nghị, hội thảo, diễn đàn...

Điều 6. Danh hiệu thi đua

Danh hiệu thi đua là hình thức để ghi nhận, biểu dương, tôn vinh cá nhân, tập thể có thành tích trong các phong trào thi đua. Danh hiệu thi đua được xét công nhận hàng năm.

1. Các danh hiệu thi đua đối với cá nhân:

- a) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”,
- b) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”,
- c) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”,
- d) Danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

2. Các danh hiệu thi đua đối với tập thể:

- a) Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”,
- b) Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”,
- c) Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”,
- d) Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”.

Điều 7. Hình thức khen thưởng

1. Huân chương: Huân chương Sao vàng; Huân chương Hồ Chí Minh; Huân chương Độc lập (hạng nhất, hạng nhì, hạng ba); Huân chương Lao động

(hạng nhất, hạng nhì, hạng ba); Huân chương Đại đoàn kết dân tộc; Huân chương Dũng cảm.

2. Danh hiệu vinh dự Nhà nước: Tinh Anh hùng; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng; Anh hùng Lao động; Nhà giáo Nhân dân, Nhà giáo ưu tú; Thầy thuốc Nhân dân, Thầy thuốc ưu tú; Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ sĩ ưu tú; Nghệ nhân nhân dân; Nghệ nhân ưu tú.

3. Giải thưởng: Giải thưởng Hồ Chí Minh; Giải thưởng Nhà nước.

4. Kỷ niệm chương, Huy hiệu.

5. Bằng khen.

6. Giấy khen.

Chương II

THI ĐUA VÀ DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 8. Nội dung tổ chức phong trào thi đua

1. Xác định rõ mục tiêu, phạm vi, đối tượng thi đua, trên cơ sở đó đề ra các chỉ tiêu và nội dung thi đua cụ thể. Việc xác định nội dung và chỉ tiêu thi đua phải đảm bảo khoa học, phù hợp với thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương và có tính khả thi.

2. Căn cứ vào đặc điểm, tính chất công tác, lao động, nghề nghiệp, phạm vi và đối tượng tham gia thi đua để có hình thức tổ chức phát động thi đua cho phù hợp, coi trọng việc tuyên truyền về nội dung và ý nghĩa của đợt thi đua, phát huy tinh thần trách nhiệm, ý thức tự giác của quần chúng, đa dạng hoá các hình thức phát động thi đua; chống mọi biểu hiện phô trương, hình thức trong thi đua.

3. Triển khai các biện pháp tổ chức vận động thi đua, theo dõi quá trình tổ chức thi đua, tổ chức chỉ đạo điểm để rút kinh nghiệm và phổ biến các kinh nghiệm tốt trong các đối tượng tham gia thi đua.

4. Sơ kết, tổng kết phong trào, đánh giá kết quả thi đua; đối với đợt thi đua dài ngày phải tổ chức sơ kết vào giữa đợt để rút kinh nghiệm; kết thúc đợt thi đua tiến hành tổng kết, đánh giá kết quả, lựa chọn công khai để khen thưởng những tập thể, cá nhân tiêu biểu, xuất sắc trong phong trào thi đua.

5. Phong trào thi đua có chủ đề, tên gọi dễ nhớ, dễ tuyên truyền, dễ thực hiện; nội dung bám sát nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách để đề ra nội dung, phương pháp thi đua cụ thể, thiết thực, phù hợp với điều kiện, khả năng tham gia của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân.

6. Căn cứ vào nội dung, chỉ tiêu của phong trào thi đua để xây dựng các tiêu chí đánh giá phù hợp với thực tế và để làm căn cứ bình xét thi đua, khen thưởng trong các kỳ sơ kết, tổng kết.

7. Trong quá trình tổ chức thực hiện chú trọng công tác chỉ đạo điềm, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra. Nâng cao trách nhiệm, vai trò của người đứng đầu trong việc phát hiện, xây dựng, bồi dưỡng, tuyên truyền, nhân rộng điển hình tiên tiến, nhân tố mới, cách làm hay trong phong trào thi đua. Việc phát hiện điển hình tiên tiến là nhiệm vụ trọng tâm trong tổ chức các phong trào thi đua.

Điều 9. Trách nhiệm và thẩm quyền tổ chức phong trào thi đua

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo phong trào thi đua và công tác khen thưởng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

2. Thủ trưởng các ngành, các đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm chỉ đạo phong trào thi đua và công tác khen thưởng trong phạm vi ngành, địa phương, đơn vị mình quản lý; Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp các cấp để tổ chức phát động phong trào thi đua thực hiện các chỉ tiêu nhiệm vụ chính trị của ngành, địa phương và của tỉnh.

3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận, các tổ chức xã hội khác trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

a) Tổ chức và phối hợp với các cơ quan Nhà nước để phát động, triển khai các cuộc vận động, các phong trào thi đua, phổ biến kinh nghiệm, nhân rộng các điển hình tiên tiến;

b) Phối hợp, thống nhất hành động giữa các tổ chức thành viên, tham gia với các cơ quan chức năng để tuyên truyền, động viên đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân tham gia phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng;

c) Giám sát việc thực hiện pháp luật về thi đua, khen thưởng; kịp thời phản ánh, đề xuất các giải pháp để thực hiện các quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng và của Nghị định.

4. Cơ quan chuyên trách công tác thi đua, khen thưởng các cấp căn cứ vào nhiệm vụ, chỉ tiêu cụ thể của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm và 5 năm để tham mưu, đề xuất với lãnh đạo Đảng, chính quyền về chủ trương, nội dung, chương trình, kế hoạch, biện pháp thi đua; đặc biệt coi trọng công tác tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân tham gia phong trào thi đua; chủ động phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên trong việc hướng dẫn, tổ chức các phong trào thi đua và kiểm tra việc thực hiện; tham mưu sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, nhân rộng các điển hình tiên tiến; đề xuất khen thưởng và kiến nghị đổi mới công tác thi đua, khen thưởng.

5. Các cơ quan thông tin đại chúng của tỉnh và của Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh: Có trách nhiệm thường xuyên tuyên truyền chủ trương, chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng; phổ biến, nêu gương các điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt; phát hiện các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc

trong phong trào thi đua; đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 10. Danh hiệu "Lao động tiên tiến"

1. Đối tượng:

a) Danh hiệu "Lao động tiên tiến", được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 2 điều này.

b) Cá nhân tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản dẫn đến bị thương tích cần điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ sở y tế thì thời gian điều trị, điều dưỡng được tính để xét tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến".

c) Cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì thời gian học tập được tính vào thời gian công tác tại cơ quan, đơn vị để được bình xét danh hiệu "Lao động tiên tiến". Trường hợp cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ 01 năm trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, có kết quả học tập từ loại khá trở lên thì được xét tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến".

d) Thời gian nghỉ thai sản theo quy định được tính để bình xét danh hiệu "Lao động tiên tiến".

e) Đối với cá nhân chuyển công tác, cơ quan, tổ chức, đơn vị mới có trách nhiệm xem xét, bình bầu danh hiệu "Lao động tiên tiến" (trường hợp có thời gian công tác ở cơ quan cũ từ 06 tháng trở lên phải có ý kiến nhận xét của cơ quan cũ).

Trường hợp được điều động, biệt phái đến cơ quan, đơn vị khác trong một thời gian nhất định thì việc xem xét, bình bầu danh hiệu "Lao động tiên tiến", do cơ quan, đơn vị điều động, biệt phái xem xét quyết định (có ý kiến nhận xét của cơ quan, đơn vị tiếp nhận cá nhân được điều động, biệt phái).

g) Không xét tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến" đối với một trong các trường hợp: Mới tuyển dụng dưới 10 tháng, nghỉ từ 40 ngày làm việc trở lên, bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.

2. Tiêu chuẩn:

a) Danh hiệu "Lao động tiên tiến" được xét tặng cho cán bộ, công chức, viên chức đạt các tiêu chuẩn sau:

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt năng suất và chất lượng cao;

- Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có tinh thần tự lực, tự cường; đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia phong trào thi đua;

- Tích cực học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ;

- Có đạo đức, lối sống lành mạnh.

- Đạt tỷ lệ phiếu bầu từ 70% trở lên tính trên tổng số thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở.

b) Danh hiệu “Lao động tiên tiến” xét tặng cho công nhân, nông dân, người lao động không thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều này đạt các tiêu chuẩn sau:

- Lao động sản xuất có hiệu quả, tích cực tham gia phong trào thi đua và hoạt động xã hội;

- gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; có đạo đức, lối sống lành mạnh, đoàn kết, tương trợ giúp đỡ mọi người trong cộng đồng.”

- Đạt tỷ lệ phiếu bầu từ 70% trở lên tính trên tổng số thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở.

3. Thẩm quyền xét, đề nghị: Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở.

4. Thẩm quyền quyết định:

Thủ trưởng cơ quan chuyên môn và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã.

Điều 11. Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở"

Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được xét tặng mỗi năm một lần vào dịp tổng kết năm công tác của cơ quan, đơn vị.

1. Đối tượng: Cá nhân đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến".

2. Tiêu chuẩn:

a) Là “Lao động tiên tiến”;

b) Có sáng kiến là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác được cơ sở công nhận hoặc có đề tài nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu được áp dụng hoặc mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được cơ quan, tổ chức, đơn vị công nhận.

c) Đạt tỷ lệ phiếu bầu từ 70% trở lên tính trên tổng số thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở.

3. Việc đánh giá mức độ ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học do Hội đồng sáng kiến, Hội đồng khoa học cấp cơ sở giúp người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị xem xét, công nhận. Việc đánh giá mức độ ảnh hưởng của sự mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu do Hội đồng Thi

đua - Khen thưởng cấp cơ sở giúp người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị xem xét, công nhận.

4. Hội đồng sáng kiến, Hội đồng khoa học cấp cơ sở do Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” quyết định thành lập. Thành phần Hội đồng gồm những thành viên có trình độ chuyên môn về lĩnh vực có liên quan đến nội dung sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học và các thành viên khác (nếu cần thiết).

5. Số lượng khen thưởng: Không quá 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

6. Thẩm quyền khen thưởng: Thủ trưởng cơ quan chuyên môn và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã.

Điều 12. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”

1. Đối tượng, tiêu chuẩn: Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” được xét tặng cho cá nhân đạt 2 tiêu chuẩn sau đây:

a) Có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong số những cá nhân 3 lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;

b) Thành tích, sáng kiến, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu của cá nhân đó có tác dụng ảnh hưởng đối với tỉnh và do Hội đồng Khoa học, sáng kiến cấp tỉnh xem xét, công nhận.

c) Đạt tỷ lệ phiếu bầu từ 90% trở lên tính trên tổng số thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

2. Thẩm quyền xét đề nghị: Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

3. Thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 13. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” được xét tặng cho cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc nhất được lựa chọn trong số những cá nhân có hai lần liên tục đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh.

2. Sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” phải đạt hiệu quả cao và có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc.

Hội đồng sáng kiến, Hội đồng khoa học cấp tỉnh có trách nhiệm xem xét, công nhận và đánh giá mức độ ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học.

3. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” được phong tặng sau năm đạt danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh" lần thứ hai.

4. Đạt tỷ lệ phiếu bầu từ 90% trở lên, tính trên tổng số thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp tỉnh.

5. Thẩm quyền xét, đề nghị: Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

6. Thẩm quyền quyết định: Thủ tướng Chính phủ.

Điều 14. Danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến"

"Tập thể lao động tiên tiến" được xét tặng cho tập thể mỗi năm một lần vào dịp tổng kết năm công tác của cơ quan, đơn vị.

1. Đối tượng

a) Đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh gồm: Doanh nghiệp, hợp tác xã... (trừ các tập đoàn kinh tế, tổng công ty) và các đơn vị trực thuộc như xí nghiệp, phòng, phân xưởng.

b) Đối với cấp tỉnh gồm: Phòng, ban và tương đương thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương.

c) Đối với cấp huyện gồm: Phòng, ban và tương đương; các đơn vị trực thuộc cấp huyện; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

d) Đối với đơn vị sự nghiệp gồm: Trường học, bệnh viện và tương đương; các đơn vị trực thuộc như khoa, phòng.

2. Tiêu chuẩn: "Tập thể Lao động tiên tiến" là tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch được giao;

b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, có hiệu quả;

c) Có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến" và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

d) Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước;

e) Đạt tỷ lệ phiếu bầu từ 70% trở lên tính trên tổng số thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở.

3. Thẩm quyền xét, đề nghị: Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở.

4. Thẩm quyền quyết định: Thủ trưởng cơ quan chuyên môn và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã.

Điều 15. Danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc"

"Tập thể lao động xuất sắc" được xét tặng cho tập thể mỗi năm một lần vào dịp tổng kết năm công tác của cơ quan, đơn vị.

1. Đối tượng: Là tập thể tiêu biểu, được lựa chọn trong số các tập thể đạt danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến".

2. Tiêu chuẩn:

a) Sáng tạo, vượt khó, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước;

b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;

c) Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến";

d) Có cá nhân đạt danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

e) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước;

g) Đạt tỷ lệ phiếu bầu từ 70% trở lên tính trên tổng số thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở.

3. Số lượng khen thưởng: Tối đa bằng 30% so với tổng số tập thể trực thuộc trong cơ quan, đơn vị.

4. Thẩm quyền xét, đề nghị: Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ.

5. Thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 16. Danh hiệu "Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh"

1. Đối tượng:

a) Đơn vị thành viên thuộc các khối giao ước thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập.

b) Đơn vị cơ sở: Xã, phường, thị trấn; các đơn vị trực thuộc ngành hoạt động độc lập, có tư cách pháp nhân (trường học, trung tâm, bệnh viện, chi cục và tương đương).

2. Tiêu chuẩn: Là tập thể tiêu biểu, xuất sắc, dẫn đầu phong trào thi đua trong mỗi khối thi đua hoặc mỗi ngành, địa phương và đạt 03 tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; đạt được tổng số điểm thi đua từ 900 điểm trở lên (thang điểm 1.000);

b) Có nhân tố mới, mô hình mới để các tập thể khác trong khối và trong phạm vi toàn tỉnh học tập;

c) Nội bộ đoàn kết, tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác;

d) Đạt tỷ lệ phiếu bầu từ 70% trở lên, tính trên tổng số thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

Việc công nhận là tập thể tiêu biểu xuất sắc để được xét tặng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh phải được thông qua bình xét, đánh giá, so sánh, suy tôn trong khối thi đua. Ủy ban nhân dân tỉnh xét tặng Cờ thi đua căn cứ vào tiêu chuẩn, kết quả chấm điểm thi đua, biên bản bình xét, lựa chọn và suy tôn của các khối thi đua.

3. Thẩm quyền xét, đề nghị: Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

4. Thẩm quyền khen thưởng: Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Số lượng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Các khối thi đua có từ 09 tập thể trở xuống lựa chọn 01 đơn vị xuất sắc nhất để đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Cờ thi đua.

b) Các khối thi đua có từ 10 tập thể trở lên lựa chọn 02 đơn vị xuất sắc nhất để đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Cờ thi đua.

c) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố hoặc ngành, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Cờ thi đua cho đơn vị cơ sở, với số lượng như sau: Từ 5 đến 10 đơn vị cơ sở đề nghị 01 Cờ; từ 11 đến 20 đơn vị cơ sở đề nghị 02 Cờ; từ 21 đơn vị cơ sở trở lên đề nghị 03 Cờ.

Điều 17. Danh hiệu "Cờ thi đua của Chính phủ"

1. "Cờ thi đua của Chính phủ" để tặng cho tập thể tiêu biểu, xuất sắc nhất trong từng lĩnh vực, ngành nghề dẫn đầu toàn diện các phong trào thi đua, được xét chọn trong số những tập thể đã được xét tặng "Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh" và đạt tỷ lệ phiếu bầu từ 70% trở lên tính trên tổng số thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

2. Số lượng đề nghị tặng "Cờ thi đua Chính phủ" tối đa bằng 20% tổng số những tập thể được xét tặng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chương III

HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG VÀ TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Mục 1

HUÂN CHƯƠNG

Điều 18. Khen thưởng thành tích công tác

Những trường hợp đề nghị khen thưởng Huân chương Sao vàng, Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập, Huân chương Đại đoàn kết dân tộc, Huân chương Dũng cảm, Huân chương Hữu nghị thực hiện theo các quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 19. "Huân chương Lao động" hạng nhất

1. “Huân chương Lao động” hạng nhất để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đã được tặng “Huân chương Lao động” hạng nhì và 5 năm tiếp theo liên tục lập được thành tích xuất sắc có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc hoặc có quá trình cống hiến lâu dài trong cơ quan, tổ chức, đoàn thể;

b) Có thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất hoặc có phát minh, sáng chế, sáng kiến được ứng dụng mang lại hiệu quả cao có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc; có công trình khoa học hoặc tác phẩm xuất sắc tiêu biểu cấp nhà nước; đối với công nhân, nông dân, người lao động có phát minh, sáng chế, sáng kiến được ứng dụng trong thực tiễn mang lại hiệu quả và được cấp bộ, ngành, đoàn thể trung ương công nhận.

2. “Huân chương Lao động” hạng nhất để tặng cho tập thể đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được thành tích xuất sắc có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc;

b) Đã được tặng thưởng “Huân chương Lao động” hạng nhì và 5 năm tiếp theo liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Điều 20. “Huân chương Lao động” hạng nhì

1. “Huân chương Lao động” hạng nhì để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đã được tặng “Huân chương Lao động” hạng ba và 5 năm tiếp theo liên tục lập được thành tích xuất sắc có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, đoàn thể trung ương hoặc có quá trình cống hiến lâu dài trong cơ quan, tổ chức, đoàn thể;

b) Có thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất hoặc có phát minh, sáng chế, sáng kiến được ứng dụng mang lại hiệu quả trong bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, đoàn thể trung ương; có công trình khoa học hoặc tác phẩm xuất sắc tiêu biểu cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương; đối với công nhân, nông dân, người lao động có phát minh, sáng chế, sáng kiến đã được ứng dụng thực tiễn, mang lại hiệu quả được cấp tỉnh công nhận.

2. “Huân chương Lao động” hạng nhì để tặng cho tập thể đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được thành tích xuất sắc có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

b) Đã được tặng thưởng “Huân chương Lao động” hạng ba và 5 năm tiếp theo liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Điều 21. “Huân chương Lao động” hạng ba

1. “Huân chương Lao động” hạng ba để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có thành tích xuất sắc, sáng tạo trong lao động, xây dựng Tổ quốc, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc đột xuất hoặc có công trình khoa học, nghệ thuật, có sáng kiến được Hội đồng khoa học, Hội đồng sáng kiến cấp bộ, cấp tỉnh đánh giá xuất sắc, được ứng dụng vào thực tiễn đem lại hiệu quả cao, thiết thực;

b) Đã được tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”, 05 năm tiếp theo liên tục lập được thành tích xuất sắc, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương.

2. “Huân chương Lao động” hạng ba để tặng cho công nhân, nông dân, người lao động gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đạt tiêu chuẩn quy định tại Điểm a hoặc b Khoản 1 Điều này;

b) Có sáng kiến đã được ứng dụng trong thực tiễn mang lại hiệu quả và được cấp huyện công nhận.

Công nhân có 03 sáng kiến mang lại lợi ích và có đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp để nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề.

Nông dân có sáng kiến hoặc có mô hình sản xuất hiệu quả và ổn định từ 03 năm trở lên, giúp đỡ nhiều hộ nông dân khác xóa đói giảm nghèo và tạo việc làm cho người lao động.

3. “Huân chương Lao động” hạng ba để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được thành tích xuất sắc có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong lĩnh vực thuộc bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

b) Có quá trình xây dựng, phát triển từ 10 năm trở lên, trong thời gian đó đã được tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” và 05 năm tiếp theo liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 lần được tặng Cờ thi đua cấp Bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương hoặc có 01 lần được tặng Cờ thi đua cấp Bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương và 02 Bằng khen cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương.

Điều 22. Khen thưởng quá trình công hiến

1. Tiêu chuẩn thời gian xét khen thưởng quá trình công hiến được thực hiện như sau:

a) Cán bộ tham gia hoạt động cách mạng trước năm 1945 là những người bắt đầu tham gia cách mạng từ ngày 31 tháng 12 năm 1944 trở về trước hoặc người được kết nạp Đảng trước ngày 19 tháng 8 năm 1945, được cơ quan có thẩm quyền công nhận.

b) Cán bộ tiền khởi nghĩa là người tham gia cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày 19 tháng 8 năm 1945, được cơ quan có thẩm quyền công nhận.

c) Cán bộ hoạt động liên tục trong 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ là người có thời gian tham gia công tác liên tục trong khoảng thời gian từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975.

d) Cán bộ hoạt động thời kỳ kháng chiến chống Pháp là người có thời gian tham gia công tác liên tục trong khoảng thời gian từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 đến ngày 20 tháng 7 năm 1954.

đ) Cán bộ hoạt động thời kỳ kháng chiến chống Mỹ là người tham gia công tác liên tục trong khoảng thời gian sau ngày 20 tháng 7 năm 1954 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975.

e) Cán bộ hoạt động thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc là người tham gia công tác từ sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đến nay.

2. Thực hiện việc xét, đề nghị khen thưởng đối với người có quá trình công hiến khi cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ, đã đến tuổi nghỉ chế độ hoặc đã nghỉ chế độ mà chưa được khen thưởng (kể cả các trường hợp đã hy sinh, tử trận).

3. Về thời gian giữ chức vụ thực hiện như sau:

a) Cá nhân có thời gian giữ chức vụ cao nhưng không đủ thời gian để được tính khen theo tiêu chuẩn quy định đối với chức vụ đó thì được cộng với số thời gian giữ chức vụ thấp hơn liền kề để tính tiêu chuẩn khen thưởng theo chức vụ thấp hơn liền kề.

b) Cá nhân trong cùng một thời gian đảm nhiệm nhiều chức vụ khác nhau thì lấy chức vụ cao nhất để làm căn cứ áp dụng tiêu chuẩn khen thưởng.

c) Đối với các trường hợp cán bộ thực hiện yêu cầu luân chuyển, điều động do cấp có thẩm quyền quyết định giữ các chức vụ thấp hơn trước khi luân chuyển, điều động thì khi xem xét khen thưởng được lấy chức vụ trước khi luân chuyển, điều động để làm căn cứ tính và được hưởng thời gian liên tục theo chức vụ đó để đề nghị khen thưởng.

4. Điều kiện áp dụng khen thưởng như sau:

a) Không khen thưởng đối với người bị kỷ luật khai trừ Đảng, bị kỷ luật buộc thôi việc; bị tòa án tuyên có tội. Đối với cán bộ bị kỷ luật khai trừ Đảng, sau đó đã sửa chữa khuyết điểm, phấn đấu và được kết nạp lại vào Đảng, nếu đạt tiêu chuẩn quy định thì được xét khen thưởng.

b) Hạ một mức khen đối với người đã bị kỷ luật lưu Đảng, khai trừ Đảng sau đó được kết nạp lại và những người: Bị cách chức, giáng chức, hạ bậc lương, cảnh cáo. Hình thức kỷ luật của cá nhân chỉ xem xét một lần đối với một hình thức khen thưởng (những lần xét khen sau không căn cứ vào hình thức kỷ luật đã xét khen lần trước).

5. Chức danh tương đương

a) Chức danh tương đương là chức danh được cấp có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm cho cán bộ, công chức (hoặc công nhận giữ các chức vụ bầu cử) làm công tác lãnh đạo, quản lý trong cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.

b) Cấp có thẩm quyền quyết định (hoặc công nhận): Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Các chức danh tương đương:

a) Chức danh tương đương Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh gồm: Ủy viên Ban thường vụ tỉnh ủy; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội chuyên trách tỉnh.

b) Chức danh tương đương Giám đốc Sở, trưởng các đoàn thể cấp tỉnh gồm: Các chức danh lãnh đạo, quản lý được cấp có thẩm quyền bổ nhiệm hoặc quyết định công nhận (qua bầu cử) và được xếp hưởng phụ cấp chức vụ lãnh đạo 0,9 hiện nay (hoặc 0,7 trước đây); các chức danh lãnh đạo, quản lý được xếp bảng lương chức vụ có mức lương 474, 513, 555 đồng/tháng theo bảng lương chức vụ quy định tại Nghị định số 235/HĐBT ngày 18 tháng 9 năm 1985 của Hội đồng Bộ trưởng về cải tiến chế độ tiền lương của công nhân, viên chức và lực lượng vũ trang hoặc được xếp bằng lương chức vụ Giám đốc Sở trước năm 1985.

7. Điều kiện, tiêu chuẩn khen thưởng

Tiêu chuẩn khen thưởng được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 65/2014/NĐ-CP và đảm bảo áp dụng phù hợp với từng mức hạng, từng loại thành tích tương xứng với kết quả đạt được, tương xứng với mức độ công lao đóng góp, cống hiến cho sự nghiệp chung của đất nước, của bộ, ngành hoặc của từng địa phương; thành tích đạt được nhiều, công lao đóng góp lớn, phạm vi ảnh hưởng rộng thì mức hạng khen thưởng cao; không nhất thiết phải theo tuần tự có hình thức khen thưởng mức thấp rồi mới khen thưởng mức cao; không cộng dồn thành tích đã khen của lần trước để nâng mức khen lần sau.

Mục 2

BẰNG KHEN, GIẤY KHEN

Điều 23. “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”

1. “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” để tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu được bình xét trong các phong trào thi đua do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương hoặc các bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương phát động khi tiến hành sơ kết, tổng kết 03 năm trở lên;

b) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương;

c) Đã được tặng Bằng khen cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương, 05 năm tiếp theo liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 05 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở hoặc mưu trí, dũng cảm, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu được 05 lần tặng giấy khen trở lên.

2. “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” tặng cho công nhân, nông dân, người lao động gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất trong lao động, sản xuất có phạm vi ảnh hưởng trong địa bàn cấp huyện;

b) Công nhân có từ 02 sáng kiến trở lên mang lại lợi ích và có đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp để nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề;

c) Nông dân có mô hình sản xuất hiệu quả và ổn định từ 02 năm trở lên, giúp đỡ hộ nông dân xóa đói giảm nghèo và tạo việc làm cho người lao động.

3. “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu được bình xét trong các phong trào thi đua do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương hoặc các bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương phát động khi tiến hành sơ kết, tổng kết 03 năm trở lên;

b) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất, thành tích có phạm vi ảnh hưởng trong bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

c) Đã được tặng Bằng khen cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương, 05 năm tiếp theo liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 01 lần được tặng Cờ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương.

4. “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” để tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có đóng góp lớn về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên.

Những tập thể không được tặng Cờ thi đua hoặc danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" khi xem xét đề nghị tặng thưởng Huân chương Lao động, Huân chương Độc lập và “Bằng khen Thủ tướng Chính phủ” thì được căn cứ vào thành tích của các đơn vị trực thuộc trực tiếp để xem xét khen thưởng, cụ thể là: trong khoảng thời gian xét khen thưởng (ví dụ 05 năm), hàng năm tập thể đó phải có từ 2/3 trở lên số đơn vị trực thuộc trực tiếp đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” và phải đạt các tiêu chuẩn theo quy định.

Điều 24. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng thưởng cho cá nhân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích mưu trí, dũng cảm cứu người, cứu tài sản, gương người tốt việc tốt, đạt giải trong các kỳ thi, hội thi, hội diễn quốc tế; giải nhất, nhì, ba cấp Quốc gia; giải nhất, nhì khu vực liên tỉnh trong nước và giải nhất chuyên ngành cấp tỉnh (khen thưởng đột xuất).

b) Cá nhân ngoài tỉnh và nước ngoài có nhiều thành tích đóng góp trong việc tăng cường quan hệ hữu nghị, hợp tác, xây dựng và phát triển của tỉnh (khen đối ngoại).

c) Đạt thành tích tiêu biểu xuất sắc trong việc thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia, các Chỉ thị, Nghị quyết... của Trung ương Đảng, Nhà nước và của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, các đợt thi đua theo chuyên đề, các nhiệm vụ đột xuất của tỉnh (khen thưởng theo chuyên đề, đột xuất).

d) Gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt tiêu chuẩn sau: 02 năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở.

2. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng thưởng cho tập thể đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đạt giải trong các kỳ thi, hội thi, hội diễn quốc tế; giải nhất, nhì, ba cấp Quốc gia; giải nhất, nhì khu vực liên tỉnh trong nước và giải nhất chuyên ngành cấp tỉnh (khen thưởng đột xuất).

b) Tổ chức ngoài tỉnh và nước ngoài có nhiều thành tích đóng góp trong việc tăng cường quan hệ hữu nghị, hợp tác, xây dựng và phát triển của tỉnh (khen đối ngoại).

c) Tập thể thuộc khối thi đua thuộc tỉnh đạt được tổng số điểm thi đua từ 800 điểm trở lên (thang điểm 1.000).

d) Nhân dân và cán bộ xã, phường, thị trấn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác năm (hàng năm Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố lựa chọn không quá 20% số xã, phường, thị trấn để đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng thưởng Bằng khen).

e) Tập thể đạt thành tích tiêu biểu xuất sắc trong việc thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia, các Chỉ thị, Nghị quyết... của Trung ương Đảng, Nhà nước và của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, các đợt thi đua theo chuyên đề, các nhiệm vụ đột xuất của tỉnh (khen thưởng theo chuyên đề, đợt xuất).

g) Tập thể 02 năm liên tục đạt danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc", nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động; thực hành tiết kiệm; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với mọi thành viên trong tập thể.

3. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng thưởng cho hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong hai tiêu chuẩn sau:

a) Đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên.

b) Tiên phong đi đầu trong các phong trào thi đua do các cấp phát động, có tầm ảnh hưởng trong toàn tỉnh.

Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng các cơ quan ban, ngành liên quan thống nhất việc quy định cụ thể về tiêu chuẩn xét khen thưởng đối với cá nhân, tập thể trong phong trào thi đua trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 25. Giấy khen

1. Thẩm quyền

a) Giấy khen của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã;

b) Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan chuyên môn và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

c) Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;

d) Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Tiêu chuẩn

a) Giấy khen để tặng cho cá nhân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- Có thành tích được bình xét trong phong trào thi đua;
- Lập được thành tích đột xuất;
- Hoàn thành tốt nhiệm vụ, nghĩa vụ công dân; có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

b) Giấy khen để tặng cho tập thể đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;
- Lập được thành tích đột xuất;
- Hoàn thành tốt nhiệm vụ; nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

c) Giấy khen tặng cho hộ gia đình

- Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện để tặng cho hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong hai tiêu chuẩn sau:

+ Tiên phong đi đầu trong các phong trào thi đua do các cấp phát động, có phạm vi ảnh hưởng rộng rãi đối với đơn vị, địa phương.

+ Có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội có giá trị từ 30 triệu đồng trở lên.

- Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã để tặng cho hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong 02 tiêu chuẩn sau:

+ Tiên phong đi đầu trong các phong trào thi đua do các cấp phát động, có phạm vi ảnh hưởng rộng rãi đối với địa phương.

+ Có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội có giá trị từ 10 triệu đồng trở lên.

Chương IV

QUY TRÌNH, THỦ TỤC, HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

Điều 26. Quy trình xét khen thưởng

1. Bình chọn công khai, dân chủ; tiến hành từ cơ sở; phát huy vai trò của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp;

2. Các bước tiến hành: Báo cáo thành tích trước, bình chọn sau; bình chọn cá nhân trước, tập thể sau; danh hiệu thi đua trước, hình thức khen thưởng sau;

hình thức thấp, mức khen thấp tiến hành trước; hình thức cao, mức khen cao hơn tiến hành sau.

3. Cá nhân, tập thể trong năm công tác, tùy theo tính chất và mức độ thành tích đạt được có thể xem xét, công nhận hoặc đề nghị cấp trên một hoặc nhiều danh hiệu thi đua. Danh hiệu thi đua thấp là cơ sở để bình xét và đề nghị công nhận danh hiệu thi đua cao hơn.

4. Cá nhân, tập thể trong năm công tác, tùy theo tính chất và mức độ thành tích đạt được mà có thể xem xét đề nghị một hình thức khen thưởng hoặc một mức khen nhất định. Hình thức, mức khen thấp là cơ sở để xét và đề nghị hình thức, mức khen cao hơn.

Điều 27. Tuyến trình khen

1. Cấp nào quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và quỹ lương thì cấp đó có trách nhiệm khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý. Trường hợp sở, ban, ngành của tỉnh đề nghị khen thưởng thành tích hàng năm đối với các phòng ban đa ngành, đa lĩnh vực ở cấp huyện phải có văn bản hiệp y, thống nhất của các sở, ngành có liên quan và không đề nghị khen thưởng trùng lặp.

2. Cấp nào chủ trì phát động các đợt thi đua theo chuyên đề, khi tổng kết lựa chọn các điển hình, thì cấp đó khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

3. Đối với các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức nghề nghiệp thuộc địa phương do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

4. Đối với các tổ chức kinh tế ngoài quốc doanh, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: Cấp nào quyết định cổ phần hoá, quyết định thành lập hoặc cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho tổ chức đó thì cấp đó trình khen thưởng.

5. Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có trụ sở đóng trên địa bàn tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

6. Đối với các khu công nghiệp, khu kinh tế đóng trên địa bàn tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng.

7. Việc đề nghị các hình thức khen thưởng đối với tổ chức và cá nhân làm công tác đảng, đoàn thể thực hiện theo quy định sau:

a) Tập thể, cá nhân chuyên trách công tác đảng, đoàn thể thuộc cấp tỉnh có đủ tiêu chuẩn khen thưởng theo quy định thì cơ quan đảng, đoàn thể trực tiếp quản lý xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng.

b) Tập thể chuyên trách công tác đảng, đoàn thể thuộc cấp huyện có đủ tiêu chuẩn khen thưởng theo quy định thì cơ quan đảng, đoàn thể trực tiếp quản lý xét đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định khen thưởng hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

8. Đối với tổ chức công đoàn: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng cho các đối tượng sau: Liên đoàn lao động cấp huyện; công đoàn ngành cấp tỉnh, công đoàn viên chức cấp tỉnh; công đoàn cơ sở và cán bộ công đoàn chuyên trách hưởng lương từ ngân sách công đoàn thuộc các đơn vị nêu trên.

Điều 28. Hồ sơ, thủ tục trình khen thưởng

1. Hồ sơ xét danh hiệu thi đua gồm:

- a) Văn bản đề nghị phong tặng danh hiệu thi đua;
- b) Báo cáo thành tích của cá nhân, tập thể;
- c) Biên bản bình xét thi đua;

d) Chứng nhận của cơ quan quản lý có thẩm quyền đối với sáng kiến, đề tài trong trường hợp đề nghị danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”.

2. Hồ sơ đề nghị xét khen thưởng gồm:

- a) Văn bản đề nghị khen thưởng;
- b) Báo cáo thành tích của cá nhân hoặc tập thể được đề nghị khen thưởng;
- c) Biên bản xét khen thưởng;

d) Chứng nhận của cơ quan quản lý có thẩm quyền đối với phát minh, sáng chế, sáng kiến, ứng dụng tiên bộ khoa học, công nghệ hoặc sáng tác, sáng tạo.

3. Hồ sơ đề nghị xét khen thưởng đối với những tập thể thuộc khối thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh, bao gồm các văn bản sau: (01 bộ chính)

- a) Tờ trình đề nghị khen thưởng của trưởng khối thi đua;
- b) Biên bản họp của khối thi đua;
- c) Báo cáo thành tích của đơn vị được đề nghị khen thưởng;
- d) Bảng chấm điểm thi đua của đơn vị có xác nhận của trưởng khối.

Điều 29. Hồ sơ, thủ tục trình khen thưởng cấp Nhà nước

1. Hồ sơ đề nghị tặng Huân chương các loại, gồm có:

- a) Tờ trình của đơn vị đề nghị khen thưởng (01 bản);
- b) Báo cáo thành tích của các trường hợp đề nghị khen thưởng (04 bản);

c) Biên bản của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp đề nghị khen thưởng (01 bản).

2. Hồ sơ đề nghị khen thưởng “Huân chương Sao vàng”, “Huân chương Hồ Chí Minh”, “Huân chương Độc lập”, “Huân chương Lao động”, cho cán bộ có quá trình cống hiến qua các giai đoạn cách mạng, gồm: Tờ trình kèm theo danh sách trích ngang cán bộ được đề nghị khen thưởng, bản tóm tắt quá trình công tác, thời gian từng giữ chức vụ, các hình thức khen thưởng và kỷ luật của cá nhân đó.

3. Hồ sơ đề nghị tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”, gồm có:

a) Tờ trình của đơn vị đề nghị khen thưởng (01 bản);

b) Báo cáo thành tích của các trường hợp đề nghị khen thưởng (03 bản);

c) Biên bản của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp đề nghị khen thưởng (01 bản).

4. Hồ sơ đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”, gồm có:

a) Tờ trình (kèm theo danh sách tập thể được đề nghị tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”) của đơn vị đề nghị khen thưởng (01 bản) ;

b) Báo cáo thành tích của tập thể được đề nghị tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” (03 bản);

c) Biên bản và kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp đề nghị khen thưởng (01 bản).

5. Hồ sơ, thủ tục xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” gồm 03 bộ (bản chính), gồm có:

a) Tờ trình kèm theo danh sách đề nghị tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Báo cáo thành tích của cá nhân đề nghị tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”; trong báo cáo thành tích phải nêu rõ nội dung đề tài, sáng kiến, các giải pháp trong công tác và quản lý đem lại hiệu quả thiết thực và trích lục ý kiến xác nhận của Hội đồng Khoa học, sáng kiến cấp tỉnh; trường hợp sáng kiến, giải pháp, đề tài đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận thì gửi kèm bản sao giấy chứng nhận thay cho ý kiến xác nhận của Hội đồng Khoa học, sáng kiến cấp tỉnh.

c) Biên bản và kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp tỉnh.

6. Đối với những đơn vị có nghĩa vụ nộp ngân sách cho Nhà nước, khi trình các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước cho đơn vị và Thủ trưởng đơn vị, trong báo cáo thành tích phải kê khai rõ các nội dung sau:

- a) Số tiền thuế và các khoản thu khác thực tế đã nộp trong năm so với đăng ký;
- b) Tỷ lệ % về số nộp ngân sách Nhà nước so với năm trước;
- c) Cam kết đã nộp đủ, đúng các loại thuế, các khoản thu khác theo quy định của pháp luật và nộp đúng thời hạn.

Việc thẩm định mức độ hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước do Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh lấy ý kiến của cơ quan quản lý thuế có thẩm quyền và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực đối với kết quả thẩm định

Điều 30. Hồ sơ, thủ tục đơn giản:

1. Hồ sơ đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản, 01 bộ (bản chính) gồm có:

- a) Tờ trình của đơn vị đề nghị;
- b) Bản tóm tắt thành tích của cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp (ghi rõ hành động, thành tích, công trạng để đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản.

Trường hợp thành tích thực sự tiêu biểu, xuất sắc có thể đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước, Ban Thi đua - Khen thưởng có trách nhiệm hướng dẫn cụ thể.

2. Hồ sơ đề nghị khen thưởng đối với cá nhân (đồng bào dân tộc ít người, nông dân, công nhân...), tập thể có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong lao động sản xuất, công tác do người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phát hiện để khen thưởng gồm: Tờ trình kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng và báo cáo tóm tắt thành tích do cơ quan, tổ chức, đơn vị đề nghị thực hiện.

Chương V QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 31. Nguồn và mức trích quỹ

1. Quỹ thi đua, khen thưởng của các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh được hình thành từ nguồn ngân sách Nhà nước hàng năm với mức tối đa bằng 20% tổng quỹ tiền lương theo ngạch, bậc của cán bộ, công chức, viên chức trong biên chế và tiền công được duyệt cả năm và từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài và các nguồn thu hợp pháp khác.

2. Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được hình thành từ nguồn ngân sách Nhà nước hàng năm với mức tối đa bằng 1,5% chi ngân sách thường xuyên đối với mỗi cấp ngân sách và từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài và các nguồn thu hợp pháp khác.

3. Đối với các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, nghề nghiệp do các tổ chức này tự quyết định từ nguồn khả năng tài chính của mình và từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài và từ các nguồn thu hợp pháp khác.

4. Quỹ thi đua, khen thưởng của các doanh nghiệp nhà nước được trích từ quỹ thi đua, khen thưởng của đơn vị theo quy định tại Nghị định số 09/2009/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về ban hành Quy chế quản lý tài chính của công ty Nhà nước và quản lý vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác và nguồn đóng góp của cá nhân tổ chức trong nước, nước ngoài và các nguồn thu hợp pháp khác.

5. Việc thành lập, quản lý, sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế (trừ các doanh nghiệp nhà nước quy định tại Khoản 4 Điều này) được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

6. Quỹ thi đua, khen thưởng của các hợp tác xã nông, lâm, ngư nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, hợp tác xã vận tải, hợp tác xã xây dựng và trong các lĩnh vực khác được trích từ quỹ không chia của hợp tác xã (mức trích do hợp tác xã quyết định) và nguồn đóng góp của các cá nhân, tổ chức trong nước, ngoài nước và các nguồn thu hợp pháp khác.

Điều 32. Quản lý quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp nào do cơ quan thi đua, khen thưởng cấp đó quản lý; nguồn trích, tỷ lệ và mức trích trên cơ sở dự toán kế hoạch; việc quyết toán căn cứ số chi thực tế theo đúng chế độ, chính sách quy định.

Quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh quản lý; quỹ thi đua khen thưởng của huyện, Ủy ban nhân dân huyện ủy quyền cho Phòng Nội vụ quản lý; quỹ thi đua khen thưởng của ngành, đơn vị do Thủ trưởng đơn vị quản lý; quỹ thi đua khen thưởng của cấp xã do Ủy ban nhân dân xã quản lý; nguồn trích, tỷ lệ và mức trích trên cơ sở dự toán kế hoạch chi trong năm. Việc quyết toán căn cứ số chi thực tế theo đúng đối tượng và mức thưởng quy định. Số dư cuối năm được chuyển cho năm sau.

2. Thủ trưởng cơ quan cấp nào ra quyết định khen thưởng thì cấp đó chịu trách nhiệm chi tiền thưởng từ nguồn tiền thưởng do cấp mình quản lý. Tiền thưởng kèm theo các quyết định khen thưởng của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước do Ủy ban nhân dân tỉnh trình khen được chi từ Quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh.

4. Khen thưởng các chương trình mục tiêu được trích từ nguồn kinh phí hoạt động của chương trình. Trường hợp nguồn kinh phí chương trình mục tiêu không được trích thưởng thì mới được chi thưởng từ quỹ thi đua, khen thưởng.

Điều 33. Sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quỹ thi đua, khen thưởng được sử dụng để:

a) Chi thưởng theo các quyết định khen thưởng.

b) Các khoản chi gồm: In giấy chứng nhận, giấy khen, bằng khen, làm các kỷ niệm chương, huy hiệu, cờ thi đua, khung bằng khen, thêu cờ, trống, làm hiện vật khen thưởng và các loại vật tư chuyên dùng cho khen thưởng...

c) Trích 20% trong tổng Quỹ thi đua, khen thưởng của từng cấp để chi cho công tác tổ chức, chỉ đạo các phong trào thi đua, tổ chức ký kết giao ước thi đua, tập huấn nghiệp vụ khen thưởng, sơ kết, tổng kết phong trào thi đua; tuyên truyền, nhân rộng điển hình tiên tiến.

d) Chi hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng.

e) Việc chi hỗ trợ công tác tổ chức phong trào thi đua do cơ quan quản lý công tác thi đua, khen thưởng trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cùng cấp trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân hoặc Thủ trưởng đơn vị quyết định.

2. Cá nhân, tập thể được khen thưởng ngoài việc được công nhận các danh hiệu thi đua, Cờ thi đua, danh hiệu vinh dự Nhà nước, Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước, tặng thưởng Huân chương, Huy chương, Bằng khen, Kỷ niệm chương, Giấy khen kèm theo khung bằng; còn được thưởng tiền hoặc hiện vật có giá trị tương đương quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73, 75 và 76 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ theo nguyên tắc:

a) Trong cùng một thời điểm, cùng một thành tích, một đối tượng nếu đạt nhiều danh hiệu thi đua kèm theo các mức tiền thưởng khác nhau thì nhận mức tiền thưởng cao nhất.

b) Trong cùng một thời điểm, một đối tượng đạt nhiều danh hiệu thi đua, thời gian để đạt được các danh hiệu thi đua đó khác nhau thì được nhận tiền thưởng của các danh hiệu thi đua.

c) Trong cùng thời điểm, một đối tượng vừa đạt danh hiệu thi đua vừa đạt hình thức khen thưởng thì được nhận tiền thưởng của danh hiệu thi đua và của hình thức khen thưởng.

3. Người Việt Nam ở nước ngoài, cá nhân, tập thể người nước ngoài, được khen các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng và kèm theo tặng phẩm lưu niệm.

Điều 34. Mức tiền thưởng kèm theo Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh đối với các đơn vị thuộc khối giao ước thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập, được thưởng với mức tiền kèm theo là 15,5 lần mức lương tối thiểu chung;

2. Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh đối với các đơn vị cơ sở, được thưởng với mức tiền kèm theo là 60%, so với số tiền thưởng của Cờ thi đua đối với các đơn vị thuộc khối giao ước thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập.

Chương VI

**QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA CÁ NHÂN, TẬP THỂ; HÀNH VI VI PHẠM,
XỬ LÝ HÀNH VI VI PHẠM; KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VÀ GIẢI QUYẾT
KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VỀ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG**

Điều 35. Quyền của cá nhân, tập thể trong thi đua, khen thưởng

1. Được tham gia các phong trào thi đua do Nhà nước, cơ quan, tổ chức, đơn vị phát động.
2. Được đề nghị xét tặng danh hiệu, hình thức khen thưởng theo đúng quy định của pháp luật.
3. Có quyền góp ý hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xét tặng danh hiệu, hình thức khen thưởng cho cá nhân, tập thể có đủ thành tích và tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật.
4. Đề nghị cấp có thẩm quyền không xét tặng danh hiệu, hình thức khen thưởng, thu hồi các danh hiệu, hình thức khen thưởng đã được tặng hoặc khen thưởng không đúng tiêu chuẩn, không đúng thủ tục pháp luật quy định.

Điều 36. Nghĩa vụ của cá nhân, tập thể trong thi đua, khen thưởng

1. Nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật, của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong công tác thi đua, khen thưởng.
2. Không góp ý mang tính xúc phạm danh dự, nhân phẩm của cá nhân, tập thể được dự kiến xét tặng danh hiệu, hình thức khen thưởng hoặc đã được tặng danh hiệu, hình thức khen thưởng.
3. Từ chối nhận danh hiệu hoặc hình thức khen thưởng không xứng đáng với thành tích và không đúng tiêu chuẩn, thủ tục pháp luật quy định.

Điều 37. Hành vi vi phạm và hình thức xử lý đối với cá nhân, tập thể được khen thưởng

1. Hành vi vi phạm của cá nhân hoặc tập thể được khen thưởng:
 - a) Vi phạm các Khoản 3 và 4 Điều 14 của Luật Thi đua, Khen thưởng;
 - b) Cố tình che giấu hành vi vi phạm chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước để đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng;
 - c) Dùng tiền, các lợi ích vật chất hoặc lợi ích khác nhằm mua chuộc cá nhân, cơ quan có thẩm quyền khen thưởng để được khen thưởng;
 - d) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để can thiệp trái pháp luật vào công tác khen thưởng.
2. Hình thức xử lý đối với cá nhân, tập thể có hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này:
 - a) Bị huỷ bỏ quyết định khen thưởng và bị thu hồi hiện vật, tiền thưởng đã nhận;

b) Tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm, người vi phạm bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật;

c) Tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm, người đứng đầu tập thể có hành vi vi phạm Khoản 1 Điều này bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật;

d) Cơ quan có thẩm quyền công bố trên phương tiện thông tin đại chúng về hành vi vi phạm và hình thức xử lý đối với các hành vi vi phạm pháp luật của cá nhân, tập thể quy định tại các Điểm a, b và c Khoản này.

Điều 38. Hành vi vi phạm và hình thức xử lý đối với người và cơ quan có thẩm quyền quyết định khen thưởng hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định khen thưởng.

1. Hành vi vi phạm của người hoặc tập thể có thẩm quyền trong quá trình thực hiện thủ tục và quyết định khen thưởng:

a) Xác nhận sai sự thật về thành tích của cá nhân, tập thể;

b) Làm giả hồ sơ, giấy tờ cho người khác để đề nghị khen thưởng;

c) Nhận tiền, các lợi ích vật chất hoặc lợi ích khác để khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng;

d) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để ra quyết định khen thưởng trái pháp luật;

đ) Không thực hiện đúng quy trình, thủ tục xét khen thưởng theo quy định tại Nghị định này và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Hình thức xử lý đối với cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này: Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 39. Khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng

1. Cá nhân, tổ chức có quyền khiếu nại về:

a) Nhận xét sai sự thật của cấp có thẩm quyền đối với thành tích và khuyết điểm của mình trong hồ sơ, thủ tục, trình cấp có thẩm quyền xét khen thưởng;

b) Cá nhân, cấp có thẩm quyền thực hiện không đúng thủ tục, quy trình trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

2. Cá nhân có quyền tố cáo cấp có thẩm quyền về:

a) Hành vi vi phạm Điều 14 Luật Thi đua, Khen thưởng;

b) Quyết định khen thưởng cho cá nhân, tập thể không đúng tiêu chuẩn, không đúng quy định của pháp luật;

c) Hành vi trù dập cá nhân của cấp có thẩm quyền.

3. Hình thức khiếu nại, tố cáo:

a) Trực tiếp gặp người, cơ quan có thẩm quyền khen thưởng hoặc đề nghị khen thưởng;

b) Gửi văn bản đến người, cơ quan có thẩm quyền khen thưởng.

Điều 40. Giải quyết khiếu nại, tố cáo

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền có trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Điều 41. Hồ sơ, thủ tục, hủy bỏ quyết định khen thưởng

1. Cá nhân gian dối trong việc kê khai thành tích để được khen thưởng Huân chương, Huy chương, Bằng khen, Giấy khen thì bị hủy bỏ quyết định khen thưởng và bị thu hồi hiện vật, tiền thưởng đã nhận.

2. Căn cứ vào kết luận của cơ quan có thẩm quyền xác định việc cá nhân kê khai gian dối thành tích để được khen thưởng, cơ quan trình khen thưởng có trách nhiệm đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng ban hành quyết định hủy bỏ.

3. Hồ sơ đề nghị hủy bỏ quyết định gồm có:

a) Tờ trình của cơ quan trực tiếp trình khen thưởng đối với từng loại hình khen thưởng cho cá nhân.

b) Báo cáo tóm tắt lý do trình cấp có thẩm quyền hủy bỏ quyết định khen thưởng.

4. Sau khi có quyết định hủy bỏ hình thức khen thưởng, cơ quan trình khen thưởng có trách nhiệm thu hồi hiện vật khen thưởng giao nộp về cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng cùng cấp; số tiền thưởng thu nộp vào ngân sách nhà nước hoặc quỹ thi đua, khen thưởng theo quy định.

Điều 42. Thủ tục, hồ sơ tước hoặc phục hồi danh hiệu

1. Cá nhân được tặng thưởng danh hiệu: “Bà mẹ Việt Nam Anh hùng”, “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”, “Anh hùng Lao động”, “Nhà giáo nhân dân”, “Nhà giáo ưu tú”, “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú”, “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”, “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” mà vi phạm pháp luật, bị toà án xét xử bằng hình thức tù phạt tù nhưng cho hưởng án treo trở lên và bản án đã có hiệu lực pháp luật thì bị tước danh hiệu.

2. Căn cứ quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án, Ủy ban nhân dân tỉnh đã trình khen thưởng cho các trường hợp vi phạm pháp luật theo quy định tại Khoản 1 Điều này, sau 30 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có trách nhiệm làm các thủ tục trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị Chủ tịch nước ra quyết định tước danh hiệu vinh dự Nhà nước.

Hồ sơ đề nghị tước danh hiệu vinh dự Nhà nước, gồm có:

a) Tờ trình Thủ tướng Chính phủ của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Báo cáo tóm tắt nội dung vi phạm pháp luật và bản án hoặc quyết định của Tòa án.

3. Trường hợp bị xét xử oan, sai được cơ quan có thẩm quyền minh oan, sửa sai thì cá nhân được phục hồi và trao lại danh hiệu đã bị tước.

Hồ sơ đề nghị phục hồi và trao lại danh hiệu vinh dự Nhà nước, gồm có:

a) Tờ trình Thủ tướng Chính phủ của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Báo cáo tóm tắt nội dung thuyết minh, giải trình và ý kiến của cơ quan có thẩm quyền.

Chương VII **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 43. Tổ chức thực hiện

Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn; các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc yêu cầu các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Nội vụ để nghiên cứu, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đàm Văn Eng